TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 644/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ liên lạc: Số 1759 Quốc lộ 1A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 20/3 đường 610, tổ 4, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày sự việc như sau:

Ông (Nguyễn Văn H) và bà Trần Thị Hồng T tìm hiểu nhau một thời gian thì quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn, vợ cH ông sống chung nhà với mẹ ruột của ông tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, sống chung nhà còn có anh ruột của ông (bị bệnh). Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng càng về sau, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa trong gia đình. Từ những mâu thuẫn nhỏ không giải quyết dứt điểm hình thành nên những mâu thuẫn lớn, dần dần tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Ông cố gắng nhường nhịn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ ông bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện Củ Chi sống khoảng 09 năm nay. Thời gian đầu, vợ chồng ông còn qua lại nhưng khoảng 06 năm nay, vợ chồng ông chính thức sống ly thân. Vì xa nhau đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung, tên là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/5/2009. Hiện con chung đang sống với mẹ là bà T. Khi ly hôn, ông đồng ý để con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 21/5/2019, bị đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày:

CH bà là ông Nguyễn Văn H. Vợ chồng bà thường xuyên mâu thuẫn do ông H nghe lời mẹ chồng, không chăm sóc, bảo vệ bà. Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung, tên là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/5/2009. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn bà Trần Thị Hồng T nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt bà nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Hồng T, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Hồng T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01, đăng ký ngày 06/6/2008, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời ông H trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống chung nhà với mẹ ruột của ông tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, sống chung nhà còn có anh ruột của ông (bị bệnh). Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng càng về sau, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa trong gia đình. Từ những mâu thuẫn nhỏ không giải quyết dứt điểm hình thành nên những mâu thuẫn lớn, dần dần tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Ông cố gắng nhường nhịn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ ông bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện Củ Chi sống khoảng 09 năm nay. Thời gian đầu, vợ chồng ông còn qua lại nhưng khoảng 06 năm nay, vợ chồng ông chính thức sống ly thân. Vì xa nhau đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên ông xin được ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T không có mặt nhưng tại bản tự khai ngày 21/5/2019, bà T cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà T không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ông H là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Ông H và bà T có 01 con chung, tên là: Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/5/2009. Hiện con chung đang sống với bà T.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2019, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông H đồng ý để con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Tài sản chung*:

Đương sự khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Đương sự khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn H được quyền ly hôn với bà Trần Thị Hồng T.

- Về con chung:

Bà T được quyền trực tiếp nuôi con chung, tên là: Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/5/2009. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Ông H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

Đương sự khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông H phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0033481 ngày 22/02/2019 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Trần Thị H T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương